

THỰC TRẠNG VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI RA TRƯỜNG VÀ NHU CẦU XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGUỒN NHÂN LỰC CỬ NHÂN NGÀNH Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Trương Đức Thăng⁽¹⁾

Tóm tắt:

Bằng phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy trong lĩnh vực Thể dục thể thao, nghiên cứu cứu đã tiến hành tìm hiểu thực trạng, xu hướng phát triển và nhu cầu xã hội đối với nguồn nhân lực Y sinh học TDTT, qua đó đã tiến hành đánh giá, dự báo trong việc đào tạo cử nhân y sinh học TDTT của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Từ khóa: Việc làm, nguồn nhân lực, nhu cầu xã hội, Thể dục thể thao, Y sinh, cán bộ y sinh học TDTT.

Current employment status of graduated students and society demand in Bachelor's human resources, who major in Biomedicine and Sports - Bac Ninh Sports University

Summary:

Through regular research methods, a research has been conducted to evaluate the current situation, development trends and demand in Bachelor's human resources, who major in Biomedicine and Sports. Thereby, the author conducted an assessment and forecasted the development in training of Bachelor's human resources, who major in Biomedicine and Sports - Bac Ninh Sports University.

Keywords: Employment, human resources, society demand, sports, Biomedicine.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc đánh giá thực trạng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp với việc làm của sinh viên là công việc thường xuyên của cơ sở đào tạo, từ đó giúp cơ sở đào tạo đánh giá sản phẩm chất lượng đầu ra, nhu cầu xã hội đối với ngành đào tạo.

Khoa Y sinh học TDTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh được thành lập theo Quyết định số 293/ĐH1-TC ngày 14/09/2007 của Hiệu trưởng Nhà trường và tới năm 2021, Khoa đào tạo được 10 khóa sinh viên tốt nghiệp với tổng số 211 sinh viên. Đây là những cán bộ Y học TDTT chính qui đầu tiên được đào tạo và tốt nghiệp tại Việt Nam.

Để có căn cứ điều chỉnh chương trình đào tạo và các điều kiện dạy học bảo đảm tốt nhất cho người học, việc đánh giá thực trạng kết quả đào tạo cử nhân ngành Y sinh học TDTT là vấn đề cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp tổng hợp và phân tích tài

liệu; phương pháp phỏng vấn, tọa đàm; phương pháp điều tra xã hội học, toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên các khóa đã ra trường

Tiếp theo chúng tôi tiến hành thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hàng năm của Khoa y Sinh học TDTT. Tính đến thời điểm năm 2015 Khoa Y sinh học TDTT đã có 5 khóa tốt nghiệp ra trường. Kết quả thống kê được trình bày cụ thể tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy tỷ lệ sinh viên chưa được tốt nghiệp so với tổng số sinh viên đầu vào cùng khóa là 67 sinh viên chiếm tỷ lệ 24.1% do những nguyên nhân khác nhau mà không theo được hết khóa học. Số lượng sinh viên không tốt nghiệp so với đầu vào của các khóa dao động từ 1 - 16 sinh viên. Đây là số liệu tham khảo cho việc xác định số lượng chỉ tiêu hàng năm cho các khóa sau này và từ căn cứ trên đề tài có căn cứ xây dựng về đầu vào cho chương trình đổi mới.

⁽¹⁾TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh; Email: thangspost@gmail.com



Sinh viên Ngành Y sinh học TĐTT được học tập và thực hành hàng ngày, bảo đảm có thể chăm sóc sức khỏe VĐV hiệu quả sau khi ra trường

Bảng 1. Thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với đầu vào của ngành Y sinh học TĐTT

Khóa ĐH	Tổng số sinh viên	Số lượng SV không tốt nghiệp		Số lượng SV đã tốt nghiệp	
		SL	%	SL	%
ĐH 43	47	6	12.70	41	87.30
ĐH 44	43	8	18.60	35	81.40
ĐH 45	20	4	20.00	16	80.00
ĐH 46	19	8	42.10	11	48.90
ĐH 47	24	8	33.30	16	66.70
ĐH 48	25	3	12.00	22	88.00
ĐH 49	60	16	26.60	44	73.40
ĐH 50	25	11	44.00	14	56.00
ĐH 51	5	2	40.00	3	60.00
ĐH 52	10	1	10.00	9	90.00
Tổng số	278	67	24.10	211	75.90

2. Thực trạng việc làm sau khi ra trường của sinh viên ngành Y sinh học TĐTT

Để có thể tìm hiểu về thông tin việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp là công việc được chúng tôi coi trọng và quan tâm. Vì vậy, nghiên cứu tiến hành thu thập thông tin của sinh viên ngành Y sinh học TĐTT sau khi tốt nghiệp bằng hình thức phỏng vấn bằng phiếu. Kết quả được trình bày ở bảng 2.

Kết quả Bảng 2 cho thấy:

Số lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm là 182, chiếm 86.25 %;

Số lượng có việc làm đúng ngành đào tạo là 52, chiếm 24.64 %;

Số lượng có việc làm gần ngành đào tạo là 49, chiếm 22.22 %;

Số lượng làm không đúng ngành đào tạo là 81, chiếm 38.38%.

Từ kết quả trên cho thấy khóa 43 là khóa đầu tiên đào tạo có sinh viên làm đúng ngành đào

Bảng 2. Thực trạng việc làm sau khi ra trường của sinh viên ngành Y sinh học Thể dục thể thao Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Khóa tốt nghiệp	Số SV tốt nghiệp	Có việc làm								Không có việc làm
		Đúng ngành	Tỷ lệ (%)	Ngành gần	Tỷ lệ (%)	Không đúng ngành	Tỷ lệ (%)	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)	
ĐH 43	41	29.2	10.00	24.3	41.00	100	0.00	0	14.00	34
ĐH 44	35	39.3	17.00	51.5	33.00	94.2	2.00	5.71	8.00	22
ĐH 45	16	18.75	9.00	56.25	14.00	87.5	3.00	13.75	3.00	18.75
ĐH 46	11	36.36	3.00	27.27	9.00	81.81	2.00	18.18	3.00	27.27
ĐH 47	16	6.67	11.00	73.33	14.00	93.33	1.00	6.67	4.00	26.6
ĐH 48	22	18.18	10.00	45.45	19.00	86.36	3.00	13.63	4.00	18.18
ĐH 49	44	22.72	19.00	43.18	39.00	88.63	5.00	11.36	5.00	11.36
ĐH 50	14	35.71	5.00	35.71	14.00	100			1.00	
ĐH 51	3	66.66			3.00	100				
ĐH 52	9	44.45			9.00	100			2.00	
Tổng	211	23.22	81.00	38.38	182.00	86.25	16.00	13.74	44.00	21

tạo là 18, chiếm 43,90%. Tỷ lệ này cao hơn hẳn so với sinh viên các khóa khác như, khóa 44 (có 3 sinh viên, chiếm tỷ lệ 9,1%) và khóa 45 (có 2 sinh viên chiếm 13,33%). Kết quả sinh viên làm đúng ngành đào tạo chiếm tỷ lệ 22,88%, kết quả này còn khiêm tốn, theo đề tài nguyên nhân chính là do ngành y sinh học TDTT là ngành mới mở đào tạo do vậy các cơ sở còn chưa biết về nguồn nhân lực này do vậy công tác quảng bá giới thiệu về Ngành cần được phải quan tâm hơn nữa trong thời gian tiếp theo.

3. Nhu cầu xã hội đối với nguồn nhân lực cử nhân ngành Y sinh học TDTT

Với mục đích tìm hiểu thực trạng nhu cầu xã hội về việc sử dụng cán bộ ngành Y sinh học TDTT, đề tài tiến hành phỏng vấn 100 cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về TDTT, các đơn vị sự nghiệp TDTT tại các tỉnh, thành phố, các địa phương (Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Tổng cục TDTT; các Trung tâm TDTT các tỉnh, thành phố và các trường học).

Nội dung phỏng vấn của đề tài được xem xét ở 03 mức độ:

Mức 1: Rất cần.

Mức 2: Cần.

Mức 3: Không cần.

Đặc điểm đối tượng tham gia phỏng vấn bao gồm:

Cán bộ quản lý Trung tâm huấn luyện TDTT - 25 cán bộ;

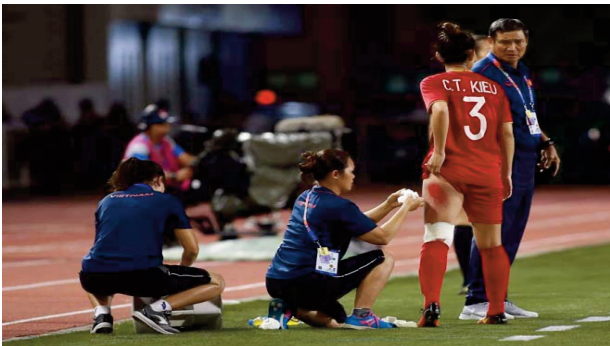
Các Huấn luyện viên TDTT - 25 Huấn luyện viên;

Các giảng viên cơ sở có đào tạo cán bộ TDTT - 25 giảng viên;

Các chuyên gia trong lĩnh vực TDTT - 15 chuyên gia;

Các giáo viên TD - 10 giáo viên.

Kết quả phỏng vấn tại bảng 3 cho thấy: Nhu cầu của xã hội về sử dụng cán bộ y sinh học TDTT hiện nay là rất cần thiết, đặc biệt là tại các trung tâm huấn luyện TDTT với 92% trả lời ở mức rất cần thiết, nguồn nhân lực này góp phần nâng cao thành tích thể thao ở các địa phương



Nhu cầu sử dụng cán bộ ngành Y sinh học TDDT ở nước ta hiện nay tại các trung tâm huấn luyện thể thao, các cơ sở đào tạo cán bộ TDDT là rất lớn

Bảng 3. Kết quả phỏng vấn nhu cầu sử dụng cán bộ ngành y sinh học TDDT ở nước ta hiện nay (n = 100)

TT	Đối tượng phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn					
		Rất cần		Cần		Không cần	
		n	%	n	%	n	%
1.	Các trung tâm huấn luyện TDDT (n = 25)	23	92	2	8		
2.	Các Huấn luyện viên TDDT (n = 25)	25	100				
3.	Các giảng viên cơ sở có đào tạo cán bộ TDDT (n = 25)	20	80	5	20		
4.	Các chuyên gia trong lĩnh vực TDDT (n = 15)	10	66.7	5	33.3		
5.	Các giáo viên TD (n = 10)	2	20	6	60	2	20

cũng như các đội tuyển. Từ kết quả trên ngành y sinh học TDDT cần hải có những điều tra khảo sát chi tiết về nhu cầu đối với mỗi địa phương cũng như các đơn vị TDDT để có thể đưa ra nhu cầu cụ thể về chỉ tiêu đào tạo hàng năm.

KẾT LUẬN

1. Tỷ lệ sinh viên ngành Y sinh học TDDT ra trường có việc làm chiếm tỷ lệ lớn tuy nhiên làm đúng ngành đào tạo chiếm tỷ lệ chưa cao.

2. Nhu cầu của xã hội về sử dụng cán bộ y sinh học TDDT hiện nay là rất cần thiết, đặc biệt là tại các trung tâm huấn luyện TDDT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Khánh Đức, “Hệ thống chỉ số và quy trình đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng GDĐH”, *Hội nghị Quốc tế về bảo đảm chất lượng giáo dục đại học, Bangalore-Ấn Độ, Tháng 3/2001*.
2. Trường Đại học TDDT Bắc Ninh (2008), *CTĐT cử nhân TDDT*.
3. Trường Đại học TDDT Bắc Ninh (2008), *Đề án đăng ký mở mã ngành đào tạo đại học chuyên nghiệp hệ chính quy*.

(Bài nộp ngày 13/10/2023, Phản biện ngày 28/10/2023, duyệt in ngày 30/11/2023)